



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 4 tháng 8 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Seokhee Won	Thành viên
Ông Lu Ming	Thành viên (đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên (đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 2 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày bản báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Sookhee Won
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-723

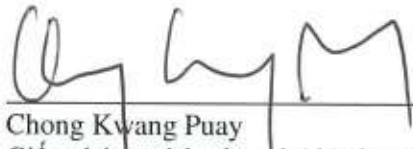



Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		11.519.694.860.637	4.736.863.860.399
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920
Tiền	111		113.124.921.330	262.513.621.920
Các khoản tương đương tiền	112		6.801.120.000.000	3.104.150.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.732.948.841.175	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.732.948.841.175	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.121.205.426.935	524.172.871.757
Phải thu của khách hàng	131	8	232.759.444.755	204.488.051.594
Trả trước cho người bán	132		61.482.083.206	293.268.256.650
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	1.663.716.876.592	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	164.464.049.739	27.198.707.736
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10	(1.217.027.357)	(805.801.581)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	23.657.358
Hàng tồn kho	140	11	715.921.028.319	790.231.721.814
Hàng tồn kho	141		729.024.288.790	806.854.622.797
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.103.260.471)	(16.622.900.983)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.374.642.878	55.795.644.908
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.718.137.599	12.528.673.029
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.656.505.279	43.109.758.161
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	157.213.718

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.858.131.385.763	12.853.782.649.222
Các khoản phải thu dài hạn	210		24.757.902.339	7.123.035.720.424
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	6.729.614.068.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	24.757.902.339	393.421.652.424
Tài sản cố định	220		4.444.692.083.576	4.047.507.545.881
Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.132.110.361.000	2.592.621.284.887
Nguyên giá	222		4.694.881.086.995	3.743.546.719.305
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.562.770.725.995)	(1.150.925.434.418)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.312.581.722.576	1.454.886.260.994
Nguyên giá	228		2.102.498.034.268	2.052.630.727.848
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(789.916.311.692)	(597.744.466.854)
Tài sản dở dang dài hạn	240		371.351.502.339	719.382.303.260
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	371.351.502.339	719.382.303.260
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	254.802.292.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(b)	249.391.858.906	254.802.292.906
Tài sản dài hạn khác	260		767.938.038.603	709.054.786.751
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	193.229.086.523	126.947.338.090
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	150.172.693.140	117.078.881.599
Lợi thế thương mại	269	18	424.536.258.940	465.028.567.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.377.826.246.400	17.590.646.509.621

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.449.387.898.339	4.775.199.506.191
Nợ ngắn hạn	310		4.942.371.387.944	4.149.379.994.667
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	708.987.463.602	888.714.668.760
Người mua trả tiền trước	312		18.887.115.066	33.942.871.425
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	312.750.964.401	277.975.491.700
Phải trả người lao động	314		4.383.144.705	16.179.341.565
Chi phí phải trả	315	21	958.703.296.344	864.961.703.475
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	27.461.089.550	104.479.000.714
Vay ngắn hạn	320	23(a)	2.887.958.787.537	1.928.631.096.153
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.239.526.739	34.495.820.875
Nợ dài hạn	330		507.016.510.395	625.819.511.524
Phải trả người bán dài hạn	331	19	88.334.503.000	75.845.316.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	22.360.630.839	22.803.867.543
Vay dài hạn	338	23(b)	209.856.177.246	319.890.279.824
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	177.354.781.060	205.232.109.782
Dự phòng phải trả dài hạn	342		9.110.418.250	2.047.938.375
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.928.438.348.061	12.815.447.003.430
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.928.438.348.061	12.815.447.003.430
Vốn cổ phần	411	25	5.381.601.170.000	5.351.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.253.725.216)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.434.650.312.379	2.984.708.427.270
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		909.680.511.323	1.274.377.326.585
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.377.826.246.400	17.590.646.509.621


 Người lập:


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người duyệt:


 Nguyễn Hoàng Tùng
 Quyền Giám đốc Tài chính



 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	13.971.502.083.035	13.395.193.258.142
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	181.742.640.558	183.268.214.315
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	13.789.759.442.477	13.211.925.043.827
Giá vốn hàng bán	11	29	7.539.940.954.915	7.264.239.572.313
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.249.818.487.562	5.947.685.471.514
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	486.486.717.049	1.151.095.979.529
Chi phí tài chính	22	31	120.181.485.914	483.121.282.748
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>117.857.140.158</i>	<i>335.761.168.464</i>
Phần lãi trong một công ty liên kết	24		6.648.042.500	14.377.236.580
Chi phí bán hàng	25	32	2.619.544.147.421	2.451.004.233.235
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	840.490.029.516	743.978.469.840
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		3.162.737.584.260	3.435.054.701.800
Thu nhập khác	31		3.946.391.087	4.260.887.581
Chi phí khác	32		3.831.459.210	12.772.930.635
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		114.931.877	(8.512.043.054)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.162.852.516.137	3.426.542.658.746
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	34	432.682.942.969	550.865.518.617
Lợi ích thuế TNDN – hoãn lại	52	34	(60.942.674.227)	(25.040.545.188)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		2.791.112.247.395	2.900.717.685.317

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		2.791.112.247.395	2.900.717.685.317
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		2.679.382.871.020	2.822.340.170.298
Cổ đông không kiểm soát	62		111.729.376.375	78.377.515.019
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.165	5.479
<hr/>				

Ngày 15 tháng 3 năm 2017


 Người lập:


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng


 Người duyệt:


 Nguyễn Hoàng Tùng
 Quyền Giám đốc Tài chính



 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.162.852.516.137	3.426.542.658.746
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	684.365.934.207	569.089.790.695
Các khoản dự phòng	03	52.262.080.735	92.508.919.639
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	88.494.016	(6.522.336.545)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	1.935.134.443	10.684.115.455
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(480.348.042.703)	(1.137.715.591.754)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty liên kết	05	-	1.800.000.000
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(6.648.042.500)	(14.377.236.580)
Chi phí lãi vay	06	117.857.140.158	335.761.168.464
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.532.365.214.493	3.277.771.488.120
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	42.648.772.998	(27.888.375.712)
Biến động hàng tồn kho	10	34.018.360.660	63.301.972.816
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(108.318.131.689)	475.841.759.438
Biến động chi phí trả trước	12	25.963.823.781	20.190.850.653
		3.526.678.040.243	3.809.217.695.315
Tiền lãi vay đã trả	14	(115.044.203.443)	(203.807.081.700)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(431.051.744.862)	(1.122.692.332.265)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.840.046.137)	(6.429.605.721)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	2.967.742.045.801	2.476.288.675.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(634.843.683.452)	(1.154.673.055.924)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	3.863.456.185	2.542.787.564
Tiền chi cho vay	23	(3.559.078.712.592)	(8.285.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	6.735.714.068.000	11.175.158.802.265
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(41.036.269.841.175)	(34.267.508.726.883)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	39.303.321.000.000	38.129.156.940.966
Tiền chi đầu tư vào một công ty liên kết và mua lại cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	(773.433.922.965)	(354.108.064.193)
Mua một công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua (Thuyết minh 5(a))	25	(11.555.624.763)	(236.743.058.482)
Tiền thu từ thanh lý lợi ích trong một công ty con và một công ty liên kết và cổ tức trước ngày mua nhận được từ một công ty liên kết	26	5.410.434.000	501.800.000.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27	724.885.024.521	840.336.503.800
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	758.012.197.759	6.350.962.129.113
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	30.000.000.000	38.337.950.000
Tiền thu từ vốn góp vào một công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31	134.010	1.475.060.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	8.481.450.471.251	11.603.228.942.899
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(7.682.156.882.445)	(17.625.477.362.486)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.005.198.769.200)	(3.080.229.986.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(175.905.046.384)	(9.062.665.395.587)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.549.849.197.176	(235.414.590.845)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.366.663.621.920	3.595.756.092.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(14.167.886)	6.322.120.189
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	61	(2.253.729.880)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH


	2016	2015
	VND	VND
Cần trừ cổ tức phải trả với các khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ	1.889.261.836.000	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2017


Người lập:


Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng


Nguyễn Hoàng Tùng
Quyền Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 13 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 11 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2016
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan DN	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	100%	100%	100%
Masan Consumer (Thailand) Limited	(vii) Kinh doanh và phân phối	Lầu 4, số 83, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan	99,99%	-	99,99%
Các công ty con sở hữu gián tiếp					
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(ii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2016
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Công nghệ Thực phẩm Việt Tiên	Sản xuất gia vị	Lô III-10, đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ (ii)	Sản xuất gia vị	Khu 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	94,50%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Masan HD	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Masan MB	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cấm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii) Masan HG	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (ii)	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 2, phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Một Thành viên (ii), Nam Ngư Phú Quốc (vi)	Sản xuất gia vị	Khu 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	-	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2016	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 1/1/2016	
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	68,46%	53,20%	68,46%	53,20%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vinh Hào	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vinh Sơn, Xã Vinh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	88,56%	63,95%	88,56%	63,95%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iv) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	88,55%	63,94%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(iii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,68%	65%	65,68%	65%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	(v) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Số 10 Đường Nội Bộ Hưng Gia 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	58,19%	-	85%	-
Một công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimes	(ii) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,8%	32,8%	32,8%	32,8%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Masan DN (“MDN”) được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 7/2016/NQ-HDQT-MSD ngày 28 tháng 3 năm 2016 đã thông qua và chấp thuận thanh lý MDN. Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình giải thể MDN vẫn đang được tiến hành.
- (ii) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”).
- (iii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iv) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (v) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) được mua bởi Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB, vào tháng 5 năm 2016 với số tiền là 35.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch (Thuyết minh 5(a)). Do kết quả từ giao dịch này, CDN trở thành một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua VCF.
- (vi) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NPQ”) được thành lập vào ngày 21 tháng 6 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp 1702051991 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp. NPQ là một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, NPQ vẫn chưa đi vào hoạt động và đang trong quá trình xây dựng.
- (vii) Vào tháng 7 năm 2016, Công ty thành lập một công ty con – Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) để thâm nhập thị trường Inland ASEAN theo giấy phép 0105559105553 do Phòng Phát triển Doanh nghiệp Thái Lan cấp.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con còn lại và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 4.625 nhân viên (1/1/2016: 4.822 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn để đổi quyền kiểm soát đơn vị bị mua tại ngày trao đổi và các chi phí giao dịch. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và khoản nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao cố thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 8 đến 30 năm.

(iv) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 37 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ là 42 đến 50 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các công cụ tài chính phái sinh

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về biến động giá của nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với giá gốc tại ngày hợp đồng phái sinh được ký kết. Các khoản lãi và lỗ đã thực hiện từ các công cụ phái sinh được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí vay từ các ngân hàng và các chi phí liên quan, lỗ chênh lệch tỷ giá và lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành bốn bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	5.929.762.801.607	3.684.213.605.945	4.159.968.086.897	15.814.948.028	13.789.759.442.477
Lợi nhuận gộp của bộ phận	3.227.439.094.975	1.396.930.220.837	1.620.108.969.229	5.340.202.521	6.249.818.487.562
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.303.210.024.677	585.704.199.827	340.759.488.342	5.340.202.521	3.235.013.915.367
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(438.581.562.242)
Doanh thu hoạt động tài chính					486.486.717.049
Chi phí tài chính					(120.181.485.914)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					3.162.737.584.260
Thu nhập khác					3.946.391.087
Chi phí khác					(3.831.459.210)
Chi phí thuế TNDN					(371.740.268.742)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					2.791.112.247.395

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	5.646.133.836.572	4.141.969.337.151	3.388.624.227.274	35.197.642.830	13.211.925.043.827
Lợi nhuận gộp của bộ phận	3.201.552.578.979	1.517.188.122.868	1.222.885.288.905	6.059.480.762	5.947.685.471.514
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.399.143.141.280	650.685.998.053	101.487.979.916	6.059.480.762	3.157.376.600.011
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(390.296.594.992)
Doanh thu hoạt động tài chính					1.151.095.979.529
Chi phí tài chính					(483.121.282.748)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					3.435.054.701.800
Thu nhập khác					4.260.887.581
Chi phí khác					(12.772.930.635)
Chi phí thuế TNDN					(525.824.973.429)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					2.900.717.685.317

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống bao gồm khấu hao lợi thế thương mại với số tiền là 67.668 triệu VND (2015: 65.837 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 150.125 triệu VND (2015: 138.103 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 24.705 triệu VND (2015: 25.389 triệu VND) trong năm.

	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Tài sản bộ phận	1.875.082.609.128	1.356.020.120.800	2.783.135.920.430	6.014.238.650.358
Tài sản không phân bổ				11.363.587.596.042
Tổng tài sản				17.377.826.246.400
Nợ phải trả bộ phận	181.934.564.179	170.732.625.606	702.777.024.481	1.055.444.214.266
Các khoản nợ không phân bổ				4.393.943.684.073
Tổng nợ phải trả				5.449.387.898.339
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Chi tiêu vốn	318.695.966.674	53.310.673.834	128.398.417.563	500.405.058.071
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	220.675.756.456
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	178.152.639.224	108.019.559.648	123.621.072.455	409.793.271.327
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	-	-	-	14.039.906.819
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	5.510.165.970	21.399.760.419	226.167.066.610	253.076.992.999
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ	-	-	-	48.754.062.252

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Gia vị VND	Thực phẩm tiện lợi VND	Đồ uống VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	1.462.565.696.956	1.200.498.321.968	3.172.238.930.632	5.835.302.949.556
Tài sản không phân bổ				11.755.343.560.065
Tổng tài sản				17.590.646.509.621
Nợ phải trả bộ phận	113.543.169.908	119.183.003.852	756.352.583.636	989.078.757.396
Các khoản nợ không phân bổ				3.786.120.748.795
Tổng nợ phải trả				4.775.199.506.191
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Chi tiêu vốn	231.545.268.110	106.494.269.165	203.976.613.164	542.016.150.439
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	503.988.090.772
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	128.422.294.311	101.239.389.606	104.499.546.195	334.161.230.112
Khấu hao tài sản cố định vô hình không phân bổ	-	-	-	6.674.329.048
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	5.835.212.577	17.539.338.203	202.439.507.417	225.814.058.197
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ	-	-	-	183.799.207.018

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.732.948.841.175	-
Các khoản phải thu ngắn hạn thuần	2.029.920.765.380	316.474.528.749
Hàng tồn kho	103.734.755.658	87.861.390.774
Tài sản ngắn hạn khác	11.967.257.413	49.745.232.734
Các khoản phải thu dài hạn	24.757.902.339	7.123.035.720.424
Tài sản cố định	278.110.907.616	286.532.885.308
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.495.594.849	378.283.553.087
Tài sản dài hạn khác	245.406.650.282	146.746.627.069
	<hr/>	<hr/>
Tài sản không phân bổ	11.363.587.596.042	11.755.343.560.065
	<hr/>	<hr/>
Phải trả người bán ngắn hạn	155.692.783.011	526.112.327.209
Người mua trả tiền trước	9.862.385.864	18.283.250.322
Thuế phải nộp Nhà nước	266.538.737.389	239.418.537.782
Phải trả người lao động	14.847.747	8.615.000
Chi phí phải trả	664.106.554.350	530.660.379.908
Phải trả ngắn hạn khác	20.934.183.491	14.874.943.144
Vay ngắn hạn	2.887.958.787.537	1.928.631.096.153
Phải trả dài hạn khác	1.624.446.378	3.009.209.671
Vay dài hạn	209.856.177.246	319.890.279.824
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	177.354.781.060	205.232.109.782
	<hr/>	<hr/>
Các khoản nợ không phân bổ	4.393.943.684.073	3.786.120.748.795

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại không trọng yếu đối với Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh và giao dịch với cổ đông không kiểm soát

(a) Mua lại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN – giao dịch không chịu sự kiểm soát chung

Trong tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), một công ty con của Công ty, đã mua lại 85% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) với số tiền 35.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến Công ty nắm giữ 58,19% lợi ích kinh tế trong CDN tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.444.375.237	-	23.444.375.237
Phải thu của khách hàng	361.699.396	-	361.699.396
Trả trước cho người bán	20.893.841.858	-	20.893.841.858
Phải thu ngắn hạn khác	394.448.888	-	394.448.888
Hàng tồn kho	4.437.565.909	-	4.437.565.909
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.573.379.697	-	1.573.379.697
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.614.397.960	-	1.614.397.960
Tài sản cố định hữu hình	8.023.114.445	-	8.023.114.445
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	512.819.546	-	512.819.546
Chi phí trả trước dài hạn	1.203.165.220	-	1.203.165.220
Tài sản thuế hoãn lại	28.466.036	-	28.466.036
Phải trả người bán ngắn hạn	(575.538.404)	-	(575.538.404)
Thuế phải nộp Nhà nước	(111.135.384)	-	(111.135.384)
Phải trả người lao động	(412.231.529)	-	(412.231.529)
Chi phí phải trả	(1.567.029.008)	-	(1.567.029.008)
Phải trả ngắn hạn khác	(616.759.903)	-	(616.759.903)
Vay ngắn hạn	(50.000.000.000)	-	(50.000.000.000)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được mua	9.204.579.964	-	9.204.579.964
Phần tài sản thuần được mua			7.823.892.969
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 18)			27.176.107.031
Khoản thanh toán cho việc mua lại			35.000.000.000
Khoản tiền thu được			(23.444.375.237)
Tiền thuần chi ra			11.555.624.763

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất công ty được mua vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, doanh thu thuần và lỗ thuần của bên được mua lần lượt là 16.854 triệu VND và 20.809 triệu VND.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Mua thêm vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Phần lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”) tăng từ 63,95% lên 88,56% do kết quả của việc mua thêm 24,61% vốn sở hữu của VHC như sau:

- Vào ngày 6 tháng 1 năm 2016, Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”), một công ty con của Công ty, đã mua thêm 2.657.641 cổ phiếu của VHC, với tổng số tiền là 113.922 triệu VND.
- Vào ngày 28 tháng 4 năm 2016, MSB mua thêm 566.288 cổ phiếu của VHC, với tổng số tiền là 23.275 triệu VND.

Các việc mua lại này có ảnh hưởng như sau:

	VND
Chi phí mua lại – bằng tiền	137.196.800.523
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(135.083.880.318)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	2.112.920.205
	<hr/>

(c) Mua thêm vốn cổ phần của VCF

Phần lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong VCF đã tăng từ 53,20% lên 68,46% do kết quả từ việc mua thêm 15,26% lợi ích vốn chủ sở hữu của VCF như sau:

- Vào ngày 24 tháng 2 năm 2016, MSB đã mua thêm 1.850.000 cổ phiếu của VCF, với tổng số tiền là 290.595 triệu VND.
- Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, MSB đã mua thêm 2.204.863 cổ phiếu của VCF, với tổng số tiền là 375.189 triệu VND.

Các việc mua lại này có ảnh hưởng như sau:

	VND
Chi phí mua lại – bằng tiền	665.784.583.648
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(336.782.515.012)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	329.002.068.636
	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Mua thêm vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2016, MSB mua thêm 54.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”), với tổng số tiền là 623 triệu VND. Theo đó, phần lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong QNW tăng từ 65,00% lên 65,68%.

Việc mua lại này có ảnh hưởng như sau:

	VND
Chi phí mua lại – bằng tiền	622.862.317
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(1.370.694.835)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	(747.832.518)
	<hr/>

(e) Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Ma San PQ

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2016, Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”), một công ty con của Công ty có các giao dịch sau:

- Mua thêm 385.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”), với tổng số tiền là 5.964 triệu VND.
- Bán 20 cổ phiếu của MPQ cho cổ đông không kiểm soát (“NCI”) với tổng số tiền là 309.000 VND.

Do kết quả của các giao dịch trên, phần lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong MPQ đã tăng từ 94,50% lên 99,99%.

Việc mua lại này có ảnh hưởng như sau:

	VND
Chi phí mua lại – bằng tiền	5.963.650.000
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được mua	(3.953.498.116)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	2.010.151.884
	<hr/>

Việc bán cho cổ đông không kiểm soát có ảnh hưởng như sau:

	VND
Khoản thu được – bằng tiền	309.800
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần được bán	(205.380)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24)	104.420
	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.064.520.061	6.714.138.115
Tiền gửi ngân hàng	111.060.401.269	255.799.483.805
Các khoản tương đương tiền	6.801.120.000.000	3.104.150.000.000
	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6.914.244.921.330	3.366.663.621.920

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.732.948.841.175	-
	1.732.948.841.175	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết
				Giá trị còn lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
	2.659.217	32,8%	2.660.217	254.802.292.906

Đầu tư vào công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch trọng yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”). Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của CLX.

Biến động giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tập đoàn trong năm như sau:

	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	254.802.292.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm	6.648.042.500
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn trước ngày mua	(5.410.434.000)
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(6.648.042.500)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	5.644.586	218.586.661
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	31.752.716.796	16.639.970.914
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	3.833.035.010	6.957.627.234

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan		
▪ Lãi dự thu (*)	114.905.802.559	-
▪ Phải thu khác (**)	11.546.396.400	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	26.870.375.441	6.134.424.327
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.932.192.910	15.378.332.182
Phải thu khác	7.209.282.429	5.685.951.227
	164.464.049.739	27.198.707.736

(*) Khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi phải thu từ khoản vay Công ty cấp cho một bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 12 và 36 để biết thêm thông tin.

(**) Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi dự thu	-	373.495.304.103
Các khoản ký quỹ dài hạn	24.757.902.339	19.926.348.321
	24.757.902.339	393.421.652.424

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Dự phòng phải thu khó đòi

Số ngày quá hạn	31/12/2016			1/1/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
0 – 30 ngày	43.712.307.539	-	43.712.307.539	53.855.360.311	-	53.855.360.311
31 – 180 ngày	562.712.024	-	562.712.024	1.274.690.676	-	1.274.690.676
181 – 365 ngày	119.942.347	(4.553.821)	115.388.526	112.706.563	(33.811.969)	78.894.594
Trên 365 ngày	1.283.068.350	(1.212.473.536)	70.594.814	1.469.678.246	(771.989.612)	697.688.634
	45.678.030.260	(1.217.027.357)	44.461.002.903	56.712.435.796	(805.801.581)	55.906.634.215

Dự phòng phải thu khó đòi

(1.217.027.357)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	805.801.581	2.063.747.655
Tăng dự phòng trong năm	611.371.481	209.584.106
Sử dụng dự phòng trong năm	(58.476.340)	(598.710.895)
Hoàn nhập	(141.669.365)	(868.819.285)
Số dư cuối năm	1.217.027.357	805.801.581

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	23.020.158.807	-	52.076.694.647	-
Nguyên vật liệu	350.142.495.576	(9.590.373.377)	460.875.351.554	(10.283.181.128)
Công cụ và dụng cụ	71.745.888.578	-	66.744.430.628	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	67.061.968.283	-	54.162.719.531	-
Thành phẩm	212.346.462.681	(3.512.887.094)	169.571.819.977	(5.906.339.559)
Hàng hóa	4.707.314.865	-	3.423.606.460	(433.380.296)
	729.024.288.790	(13.103.260.471)	806.854.622.797	(16.622.900.983)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	16.622.900.983	22.318.186.169
Tăng dự phòng trong năm	49.109.986.107	94.986.484.380
Sử dụng dự phòng trong năm	(48.249.539.256)	(99.504.636.005)
Hoàn nhập dự phòng	(4.380.087.363)	(1.177.133.561)
Số dư cuối năm	13.103.260.471	16.622.900.983

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có lần lượt 13.103 triệu VND (1/1/2016: 16.623 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ	1.663.716.876.592	-

Khoản cho vay phải thu không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm 6% trong năm. Các khoản vay này đến hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đến hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuế VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.024.775.104.570	10.622.457.648	54.463.116.431	2.621.959.990.570	31.726.050.086	3.743.546.719.305
Tăng từ mua công ty con	-	-	66.966.491	7.431.656.488	524.491.466	8.023.114.445
Tăng trong năm	103.114.200	-	153.933.036	1.647.581.616	725.712.000	2.630.340.852
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	303.630.532.968	52.168.653.336	10.126.708.718	586.361.433.015	88.714.693	952.376.042.730
Chuyển từ/(chuyển sang) chi phí trả trước dài hạn	(1.624.302.165)	-	-	3.132.848.600	-	1.508.546.435
Thanh lý	(1.930.414.206)	-	(1.401.807.166)	(8.370.427.853)	(902.479.286)	(12.605.128.511)
Xóa sổ	-	-	-	(598.548.261)	-	(598.548.261)
Số dư cuối năm	1.324.954.035.367	62.791.110.984	63.408.917.510	3.211.564.534.175	32.162.488.959	4.694.881.086.995
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	169.394.043.997	9.215.700.908	26.115.841.837	931.850.243.550	14.349.604.126	1.150.925.434.418
Khấu hao trong năm	66.996.045.822	10.268.545.627	8.055.093.576	334.417.078.351	4.096.414.770	423.833.178.146
Thanh lý	(1.604.733.941)	-	(1.376.689.570)	(7.644.861.631)	(763.053.166)	(11.389.338.308)
Xóa sổ	-	-	-	(598.548.261)	-	(598.548.261)
Số dư cuối năm	234.785.355.878	19.484.246.535	32.794.245.843	1.258.023.912.009	17.682.965.730	1.562.770.725.995
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	855.381.060.573	1.406.756.740	28.347.274.594	1.690.109.747.020	17.376.445.960	2.592.621.284.887
Số dư cuối năm	1.090.168.679.489	43.306.864.449	30.614.671.667	1.953.540.622.166	14.479.523.229	3.132.110.361.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 303.992 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 147.224 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn và công ty mẹ.

Không có tài sản cố định hữu hình nào không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 2.555 triệu VND).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là 11.261 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 64.989 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền khai thác VND	Thương hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Nguồn nước khoáng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	123.577.684.764	266.353.638.873	88.408.197.667	757.478.531.332	404.114.911.701	412.697.763.511	2.052.630.727.848
Tăng trong năm	-	-	27.597.137.629	-	-	-	27.597.137.629
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	24.090.871.914	1.794.878.000	876.285.239	-	-	26.762.035.153
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.491.866.362)	-	-	-	-	-	(4.491.866.362)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	290.444.510.787	117.800.213.296	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.102.498.034.268
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	22.787.494.728	30.082.466.090	2.594.792.443	251.480.915.252	283.205.016.061	7.593.782.280	597.744.466.854
Khấu hao trong năm	3.973.493.884	33.298.237.584	5.222.895.451	66.854.958.673	61.580.087.040	21.934.668.276	192.864.340.908
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(692.496.070)	-	-	-	-	-	(692.496.070)
Số dư cuối năm	26.068.492.542	63.380.703.674	7.817.687.894	318.335.873.925	344.785.103.101	29.528.450.556	789.916.311.692
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	100.790.190.036	236.271.172.783	85.813.405.224	505.997.616.080	120.909.895.640	405.103.981.231	1.454.886.260.994
Số dư cuối năm	93.017.325.860	227.063.807.113	109.982.525.402	440.018.942.646	59.329.808.600	383.169.312.955	1.312.581.722.576

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 30.767 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 9.894 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND
Số dư đầu năm	719.382.303.260
Tăng từ mua công ty con	512.819.546
Tăng trong năm	688.531.869.266
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(952.376.042.730)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(26.762.035.153)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(53.354.611.425)
Thanh lý	(4.582.800.425)
	<hr/>
Số dư cuối năm	371.351.502.339
	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà cửa	188.404.304.707	151.875.818.946
Nâng cấp tài sản thuê	-	55.268.590.055
Máy móc và thiết bị	181.049.669.637	481.713.466.070
Phần mềm máy vi tính	197.379.408	3.542.760.093
Khác	1.700.148.587	26.981.668.096
	<hr/>	<hr/>
	371.351.502.339	719.382.303.260
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn và công ty mẹ.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn 7.251 triệu VND (2015: 69.641 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	45.566.425.643	31.343.711.533	50.037.200.914	126.947.338.090
Tăng từ mua công ty con	-	-	1.203.165.220	1.203.165.220
Tăng trong năm	42.064.673.420	-	8.491.583.924	50.556.257.344
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	53.354.611.425	53.354.611.425
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	3.799.370.292	3.799.370.292
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	177.109.882	177.109.882
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình – thuần	-	-	(1.508.546.435)	(1.508.546.435)
Phân bổ trong năm	(2.258.462.168)	(3.134.371.152)	(35.905.465.870)	(41.298.299.190)
Thanh lý	-	-	(1.920.105)	(1.920.105)
Số dư cuối năm	85.372.636.895	28.209.340.381	79.647.109.247	193.229.086.523

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có chi phí đất trả trước nào (1/1/2016: 15.709 triệu VND) của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2016		1/1/2016	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	105.248.849.406	-	79.681.805.106	-
Chi phí kho vận phải trả	17.374.503.772	-	8.313.593.022	-
Chiết khấu thương mại phải trả	5.161.030.851	-	6.899.887.301	-
Chi phí phải trả khác	18.846.737.999	-	18.713.216.710	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.541.571.112	-	3.470.379.460	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(5.546.199.648)	-	(8.947.644.157)
Tài sản cố định vô hình	-	(171.808.581.412)	-	(196.284.465.625)
	150.172.693.140	(177.354.781.060)	117.078.881.599	(205.232.109.782)

18. Lợi thế thương mại

	2016 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	666.785.307.196
Tăng trong năm	27.176.107.031
Số dư cuối năm	693.961.414.227
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	201.756.740.134
Khấu hao trong năm	67.668.415.153
Số dư cuối năm	269.425.155.287
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	465.028.567.062
Số dư cuối năm	424.536.258.940

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	708.987.463.602	708.987.463.602	888.714.668.760	888.714.668.760
Dài hạn	88.334.503.000	88.334.503.000	75.845.316.000	75.845.316.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	797.321.966.602	797.321.966.602	964.559.984.760	964.559.984.760

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Mua công ty con VND	Phát sinh VND	Nộp/hoàn lại VND	Khấu trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	110.670.581.994	-	2.332.702.465.657	(470.564.900.291)	(1.830.522.372.095)	142.285.775.265
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	11.791.828.372	(11.791.828.372)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	164.291.190.154	-	432.682.942.969	(431.051.744.862)	-	165.922.388.261
Thuế thu nhập cá nhân	2.132.724.666	111.135.384	54.374.966.199	(53.191.005.845)	(170.233.630)	3.257.586.774
Các loại thuế khác	880.994.886	-	17.747.103.709	(17.342.884.494)	-	1.285.214.101
	277.975.491.700	111.135.384	2.849.299.306.906	(983.942.363.864)	(1.830.692.605.725)	312.750.964.401

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 –DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	572.533.158.360	442.111.166.641
Chi phí kho vận	92.335.239.793	53.668.827.458
Chi phí trung bày	19.595.353.810	23.335.862.860
Thưởng và lương tháng 13	88.970.497.961	80.883.701.607
Chiết khấu bán hàng	29.710.794.483	43.210.817.606
Chi phí nghiên cứu thị trường	16.534.099.796	28.512.695.162
Chi phí lãi vay	5.786.985.888	2.795.596.169
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.528.811.619	9.692.424.510
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	29.565.152.100	42.307.537.977
Phải trả liên quan đến giao dịch mua	-	77.788.700.000
Chi phí khác	77.143.202.534	60.654.373.485
	<hr/>	<hr/>
	958.703.296.344	864.961.703.475
	<hr/>	<hr/>

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hóa của một công ty con	-	81.604.798.989
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	12.599.617.645	8.626.250.289
Ký quỹ ngắn hạn	5.108.373.944	6.444.167.762
Cô tức phải trả	3.074.462.000	2.625.877.218
Các khoản phải trả khác	6.678.635.961	5.177.906.456
	<hr/>	<hr/>
	27.461.089.550	104.479.000.714
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	22.360.630.839	22.803.867.543
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Mua công ty con VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.821.049.413.817	1.821.049.413.817	50.000.000.000	8.425.383.975.487	(7.492.130.784.147)	2.804.302.605.157	2.804.302.605.157
Vay dài hạn đến hạn trả	107.581.682.336	107.581.682.336	-	83.656.182.380	(107.581.682.336)	83.656.182.380	83.656.182.380
	1.928.631.096.153	1.928.631.096.153	50.000.000.000	8.509.040.157.867	(7.599.712.466.483)	2.887.958.787.537	2.887.958.787.537

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,0% - 4,5%	453.236.733.465	561.916.299.850
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	4,0% - 4,7%	2.351.065.871.692	1.259.133.113.967
			2.804.302.605.157	1.821.049.413.817

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	293.512.359.626	427.471.962.160
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(83.656.182.380)	(107.581.682.336)
	209.856.177.246	319.890.279.824

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn					
▪ Khoản vay có đảm bảo	VND	8% - 9,3%	2020	293.512.359.626	427.471.962.160

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 816.233 triệu VND và 3.306 triệu VND (1/1/2016: tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ lần lượt là 784.683 triệu VND và 427.871 triệu VND).

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.313.263.220.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	22.731.972.844	3.245.457.980.524	1.128.253.921.282	12.891.735.201.381
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	38.337.950.000	-	-	-	-	-	-	38.337.950.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.822.340.170.298	78.377.515.019	2.900.717.685.317
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(3.079.957.932.000)	-	(3.079.957.932.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.452.567.034)	-	(1.452.567.034)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	(1.679.224.518)	(1.477.031.482)	(3.156.256.000)
Mua công ty con có lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	67.747.861.766	67.747.861.766
Góp vốn vào công ty con bởi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	1.475.060.000	1.475.060.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	22.731.972.844	2.984.708.427.270	1.274.377.326.585	12.815.447.003.430

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	-	22.731.972.844	2.984.708.427.270	1.274.377.326.585	12.815.447.003.430
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	30.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.679.382.871.020	111.729.376.375	2.791.112.247.395
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(2.896.096.655.200)	-	(2.896.096.655.200)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	-	(967.126.924)	(616.625.077)	(1.583.752.001)
Mua thêm từ NCI (Thuyết minh 5(b), 5(c), 5(d) và 5(e))	-	-	-	-	-	-	(332.377.308.207)	(477.190.588.281)	(809.567.896.488)
Bán cho NCI mà không thay đổi quyền kiểm soát (Thuyết minh 5(e))	-	-	-	-	-	-	104.420	205.380	309.800
Mua công ty con có lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 5(a))	-	-	-	-	-	-	-	1.380.686.995	1.380.686.995
Góp vốn vào một công ty con của NCI	-	-	-	-	-	-	-	134.010	134.010
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(2.253.725.216)	-	-	(4.664)	(2.253.729.880)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	(2.253.725.216)	22.731.972.844	2.434.650.312.379	909.680.511.323	11.928.438.348.061

(*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của một công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai của một công ty con.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. **Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	538.160.117	5.381.601.170.000	535.160.117	5.351.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	5.088.056.394.992	-	5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm - hiện đang lưu hành	517.160.117	5.171.601.170.000	513.326.322	5.133.263.220.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm (*)	3.000.000	30.000.000.000	3.833.795	38.337.950.000
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000

(*) Trong tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành 3 triệu cổ phiếu bằng mệnh giá cho nhân viên theo kế hoạch phát hành cổ phần cho nhân viên sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2016.

26. **Cổ tức**

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2016 đã quyết định chia và tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.896.097 triệu VND (2015: 3.079.958 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	130.627.053.331	97.315.640.429
Trong vòng 2 đến 5 năm	105.726.617.900	169.304.282.490
	236.353.671.231	266.619.922.919

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	616.066	13.997.015.659	6.045.007	135.401.815.720
THB	97.959.692	60.637.049.233	-	-
		74.634.064.892		135.401.815.720

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	260.303.831.552	80.840.029.341
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	125.949.862.404	679.491.415.314
	386.253.693.956	760.331.444.655

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	13.932.802.827.746	13.314.693.316.861
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	38.699.255.289	80.499.941.281
	<hr/> 13.971.502.083.035	<hr/> 13.395.193.258.142
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	129.354.512.110	93.203.256.408
▪ Hàng bán bị trả lại	52.388.128.448	90.064.957.907
	<hr/> 181.742.640.558	<hr/> 183.268.214.315
Doanh thu thuần	<hr/> 13.789.759.442.477	<hr/> 13.211.925.043.827

29. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	7.444.564.708.089	7.099.821.098.738
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	50.646.348.082	70.609.122.756
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	44.729.898.744	93.809.350.819
	<hr/> 7.539.940.954.915	<hr/> 7.264.239.572.313

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu hoạt động tài chính từ tiền gửi ngân hàng	310.130.343.695	230.147.227.042
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	114.905.802.559	533.086.759.239
Thu nhập lãi từ hoạt động đầu tư cho vay khác	55.311.896.449	374.481.605.473
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.617.735.128	9.363.293.885
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	2.509.420.890	4.017.093.890
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.518.328	-
	<hr/> 486.486.717.049	<hr/> 1.151.095.979.529

31. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	117.857.140.158	335.761.168.464
Thuế nhà thầu trên chi phí lãi vay và phí gia hạn khoản vay	-	15.974.611.922
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.243.573.433	117.571.521.431
Lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	-	12.013.980.931
Lỗ từ bán một công ty liên kết	-	1.800.000.000
Chi phí tài chính khác	80.772.323	-
	<hr/> 120.181.485.914	<hr/> 483.121.282.748

32. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí bán hàng	1.651.243.161.739	1.453.556.407.048
Chi phí kho vận	574.860.334.364	597.010.522.139
Chi phí nhân viên	278.924.620.729	242.638.266.253
Chi phí trung bày	40.237.657.913	53.327.568.856
Chi phí nghiên cứu thị trường	24.364.413.803	46.121.328.928
Chi phí bán hàng khác	49.913.958.873	58.350.140.011
	<hr/> 2.619.544.147.421	<hr/> 2.451.004.233.235

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	272.314.162.990	237.165.269.661
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	174.829.829.682	163.492.245.004
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	130.636.650.920	86.992.654.154
Phân bổ lợi thế thương mại	67.668.415.153	65.836.690.684
Tiền thuê văn phòng	50.502.129.664	40.219.396.759
Chi phí nghiên cứu và phát triển	32.098.863.136	21.224.937.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.377.753.606	31.582.485.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	54.062.224.365	97.464.791.199
	<hr/> 840.490.029.516	<hr/> 743.978.469.840 <hr/>

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	432.202.862.289	560.900.410.375
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	480.080.680	(10.034.891.758)
	<hr/> 432.682.942.969	<hr/> 550.865.518.617 <hr/>
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(60.942.674.227)	(34.615.781.394)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	9.575.236.206
	<hr/> (60.942.674.227)	<hr/> (25.040.545.188) <hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<hr/> 371.740.268.742	<hr/> 525.824.973.429 <hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.162.852.516.137	3.426.542.658.746
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	632.570.503.227	753.839.384.705
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(268.624.750.119)	(225.680.578.595)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(1.329.608.500)	(3.162.992.048)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.449.838.134	489.411.497
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	480.080.680	(10.034.891.758)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	9.575.236.206
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	5.194.205.320	799.403.422
	371.740.268.742	525.824.973.429

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% cho năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên liên quan và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm là 2.679.382 triệu VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.822.340 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 518.746.418 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 515.111.925), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.679.382.871.020	2.822.340.170.298

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm - hiện đang lưu hành	517.160.117	513.326.322
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	1.586.301	1.785.603
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm – hiện đang lưu hành	518.746.418	515.111.925

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016 VND	2015 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.165	5.479

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại các ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp	3.559.078.712.592	-	1.663.716.876.592	-
	Thu hồi khoản cho vay	6.100.000.000	9.619.772.870.265	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	1.889.261.836.000	-	-	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	114.905.802.559	533.086.759.239	114.905.802.559	-
	Thu hồi lãi từ khoản cho vay	-	552.062.749.559	-	-
	Cổ tức đã phân phối	2.799.261.836.000	2.413.111.542.000	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được trước ngày mua	5.410.434.000	-	-	-
	Cổ tức nhận được sau ngày mua	6.648.042.500	-	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Masan Master Brewery	Bán hàng hóa	-	518.984.879	-	-
	Mua hàng hóa	150.070	46.955.091	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	39.439.978	15.937.854	5.644.586	218.586.661

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)


Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	1.880.413.261 1.153.360 28.990.613.560	175.592.727 307.692.000 15.185.119.012	- 31.752.716.796 -	- - 16.639.970.914
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý Thanh toán hộ phí thuê đất	34.422.542 3.479.025.231 11.546.396.400	- 6.325.115.667 -	6.107.257 3.826.927.753 11.546.396.400	- 6.957.627.234 -
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	29.984.910.463	25.265.348.225	-	-

(*) Không có khoản phí nào phải trả cho thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập: 


 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt: 

 Nguyễn Hoàng Tùng
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Tùng
 Tổng Giám đốc Tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Số: 25./2017/CV-MSC

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và

Căn cứ trên Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất) năm 2016 và năm 2015.

Công ty xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở hợp nhất năm 2016 so năm 2015 như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở hợp nhất) giảm 4% chủ yếu do sự biến động từ các chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần (i)	13.789.759.442.477	13.211.925.043.827	577.834.398.650	4%
2	Thu nhập hoạt động đầu tư tài chính (ii)	366.305.231.135	667.974.696.781	(301.669.465.646)	-45%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.791.112.247.395	2.900.717.685.317	(109.605.437.922)	-4%

- (i) Doanh thu thuần của Tập đoàn năm 2016 tăng 4% so với năm 2015. Sự gia tăng về sản lượng sản phẩm tiêu thụ và thay đổi tỷ trọng các sản phẩm là các yếu tố chính đem đến sự tăng trưởng doanh thu thuần;
- (ii) Thu nhập hoạt động tài chính năm 2016 giảm 45% so với năm 2015. Sự biến động này chủ yếu do số dư tiền thấp hơn do tăng sử dụng vào các hoạt động đầu tư, tài chính và kết quả từ việc chi trả cổ tức.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Thay mặt Ban Giám đốc



Seokhee Won
Tổng Giám đốc